

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ - GIỮA HỌC KỲ 1
LỚP 11. THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề A. Máy tính và xã hội tri thức	A.1. Khái niệm cơ bản về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng	2 (1,2)	1 (3)	1 (4)							2	1	1	10% 1
		A.2. Phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên Internet	1 (5)		1 (6)	2 (1a,1b)	1 (1c)	1 (1d)	1 ES1			4	1	2	25% 2,5
		A.3. Những bộ phận chính bên trong máy tính		1 (7)	1 (8)	2 (2a,2b)	1 (2c)	1 (2d)				2	2	2	15% 1,5
		A.4. Chức năng và hoạt động của những thiết bị ngoại vi và thiết bị số thông dụng		2 (9,10)		2 (3a,3b)	1 (3c)	1 (3d)		1ES2		2	4	1	25% 2,5
2	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	C.1. Tìm kiếm và trao đổi thông tin trên mạng	1 (11)		1 (12)	2 (4a,4b)	1 (4c)	1 (4d)			1 ES3	3	1	3	25% 2,5
Tổng số câu và ý			4	4	4	8 ý	4 ý	4 ý	2 ý	2 ý	2 ý	13	9	9	100% 10
Tổng số điểm			1	1	1	2	1	1	1	1	1	4	3	3	
Tỉ lệ %			30%			40%			30%			40%	30%	30%	

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

LỚP 11. THỜI GIAN: 45 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
1	Chủ đề A. Máy tính và xã hội tri thức	A.1. Khái niệm cơ bản về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng	Biết - Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển của hai hệ điều hành thông dụng cho PC, mỗi hệ điều hành là phần mềm thương mại hay nguồn mở. - Phân biệt được hệ điều hành thông dụng và hệ điều hành nhúng. Hiểu - Trình bày được mối quan hệ giữa phần cứng và phần mềm. - Phân biệt được phần mềm ứng dụng và hệ điều hành. Vận dụng - Sử dụng được một trong hai hệ điều hành là “phần mềm nguồn đóng” (phần mềm thương mại) và hệ điều hành là phần mềm nguồn mở. - Sử dụng được một số tiện ích cơ bản của hệ điều hành dành cho thiết bị di động.	2 MC (B) (NLa) 1 MC (H) (NLa) 1 MC (V) (NLa)			

		A.2. Phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên Internet	Biết -Nêu được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của ICT. -Nêu được vai trò của phần mềm bản quyền và phần mềm mã nguồn mở chẳng hạn như phần mềm soạn thảo văn bản. Hiểu - Phân biệt được phần mềm thương mại và phần mềm công cộng. -So sánh được phần mềm thương mại và phần mềm công cộng. Vận dụng - Sử dụng được phần mềm để nâng cao năng lực học tập. -Sử dụng được phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm bảng tính và phần mềm trình chiếu chạy trên Internet. Ví dụ các phần mềm trong gói Google Docs.	1MC (B) (NLa) 1MC (V) (NLb)	1YN (B, B, H, V) (NLd)		2 ES
--	--	---	--	--	---------------------------------------	--	-------------

		A.3. Những bộ phận chính bên trong máy tính	Biết - Nhận diện được hình dạng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính như CPU, RAM và các thiết bị lưu trữ. - Mô tả được chức năng của các bộ phận chính trong thân máy tính. - Nêu được các bộ phận trên bảng mạch. - Nêu được các cổng kết nối như USB, VGA, LAN, OR, NOC. Hiểu -Giải thích được chức năng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính. -Giải thích được chức năng của các cổng kết nối NOT trên bảng mạch. Vận dụng -Tuỳ chỉnh được các thiết bị bên trong thân máy tính và các thiết bị kết nối theo yêu cầu sử dụng.	1 MC (H) (NLa) 1 MC (V)	1 YN (B, B, H, V) (NLa)		
		A.4. Chức năng và hoạt động của những thiết bị ngoại vi và thiết bị số thông dụng	Biết -Biết được chức năng của các thiết bị ngoại vi như chuột, máy in, loa, tai nghe, webcam, camera, ... Hiểu -Đọc hiểu được các thông số kỹ thuật của các thiết bị số thông dụng. -Đọc hiểu được một số thông số cơ bản như kích thước màn hình, CPU, RAM, dung lượng lưu trữ, độ phân giải camera,... của các thiết bị số thông dụng. Ví dụ: PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, ...	1 MC (H)	1 YN (B, B, H, V) (NLa)		2 ES

			thoại thông minh, tivi có khả năng kết nối Internet,... -Giải thích được một số thông số cơ bản như kích thước màn hình, CPU, RAM, dung lượng lưu trữ, độ phân giải camera,... của các thiết bị số thông dụng. Ví dụ: PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tivi có khả năng kết nối Internet. Vận dụng -Thực hành hướng dẫn người khác sử dụng các thiết bị số thông dụng như: PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tivi có khả năng kết nối Internet.				
2	Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	C.1. Tìm kiếm và trao đổi thông tin trên mạng	Biết -Nhận ra email của mình. -Biết cách gửi và nhận email. -Kể tên các trang web chia sẻ tệp tin. Hiểu -Giải thích được lưu trữ trực tuyến. Vận dụng -Sử dụng các ứng dụng Driver hay các ứng dụng chia sẻ tệp tin. -Sử dụng các công cụ tìm kiếm của Google, Yahoo, Bing,... trên PC và thiết bị số thông minh để tìm kiếm thông tin bằng cách gõ từ khoá hoặc bằng tiếng nói. -Xác lập được các lựa chọn theo tiêu chí tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin.	1 C (B) 1 C (V)	1 YN (B, B, H, V) (NL _a , NL _c , NL _e)		2 ES

Tổng		10 lệnh B 9 lệnh H	6 lệnh B 3 lệnh H 3 lệnh V		9 lệnh V
Tỉ lệ		16B=40%, 12H=30%, 12VD=30%			
Tỉ lệ chung		B+H=70%		VD=30%	

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.
- Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/thực hành).